

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/01/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+P4	7:25	20+2	0+0		17+5	0+0	
2		PVD8	7:25	21	0		22	0	
3		P5+HST+HSD	7:25	16+5+1	0+0+0		16+5+1	0+0+0	
4		PPD+MRM	7:25	2+16	0+0		0+20	0+0	
5		TGTH1+AMD	7:30	2+15	0+0		2+17	0+0	
6		P10+P3+TD5	9:25	9+13+0	0+0+0		2+13+7	0+0+0	
7		P4+P11	9:25	22+0	0+0		20+1	0+0	
8		PVD8+P5+TD2	9:25	15+4	0+0		8+11+3	0+0	
9		TD3+MRM	9:25	10+11	0+0		9+13	0+0	
10		TD3+P8+P9	12:00	14+6+1	0+0+0		15+0+7	0+0+0	
11		AMD+P5+P7	12:00	17+4+0	0+0+0		7+9+6	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/Đi vé trong ngày P7-Ing, P5-4ng,



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: TRANG-1	TO: P7 - P4	CREW: DƯƠNG - TTRUNG - HUY	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0106	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG QUOC VAN*	P7	40-41	2	9			59	SGC	Vietnamese
2	NGUYEN HO THIEN TAM	P7	96-97	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN PHONG	P7	26	1	2	3	55	77	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN LUU	P7	27-28	2	8			69	YTE	Vietnamese
5	PHAM HOANG HUNG*	P7	03,19	2	14			85	KH-THAC	Vietnamese
6	HUYNH THANH TAM	P7	20	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRUONG VAN QUANG	P7	500	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN THIEN	P7	45	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN QUANG THANH*	P7	98,42	2	9			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN LUONG TAM*	P7	38-39	2	12			75	KH-THAC	Vietnamese
11	HO NGHIA TAI	P7	94	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
12	LE NGOC HAI	P7	24	1	9			96	KH-THAC	Vietnamese
13	TRUONG CONG TUAN	P7	95	1	9			74	BIEN DONG	Vietnamese
14	VO VAN HUY	P7	74	1	12			63	BIEN DONG	Vietnamese
15	NGUYEN CANH TOAN	P7	93	1	12			72	BIEN DONG	Vietnamese
16	NGUYEN HUU TU	P7	43-44	2	13			85	BIEN DONG	Vietnamese
17	HOANG VIET HUNG	P7	25	1	5			75	PSV	Vietnamese
18	DAU CONG SAU	P7	22	1	4			85	PSV	Vietnamese
19	LE DUY HAI	P7	92	1	3			74	PSV	Vietnamese
20	VU VAN HUNG	P7	99	1	5			61	PSV	Vietnamese
21	VO DUY TOAN	P4	83	1	8	2	40	64	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN DUY THAI	P4	81	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	20	1.492	27	159	3	55	17		
2	P4	2	136	2	11	2	40	5		
TOTAL		22	1.628	29	170	5	95	22		
WEIGHT KG			1.628		170		95			

GRAND TOAL: 1.893 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

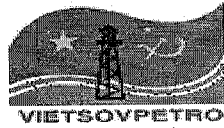
NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
B.CARD: VÀNG-1	TO: PVD8	CREW: LƯU ANH - QUỲ - HIẾU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0109	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI QUỐC THỦ	PVD8	05	1	5			66	PVD DD	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC HOANG	PVD8	42	1	8			98	PVDO	Vietnamese
3	LÊ TRUNG SƠN	PVD8	48	1	7			75	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TIẾN	PVD8	05	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
5	BUI ANH TU	PVD8	31	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN AN NHANH	PVD8	36-37	2	18			61	HALLIBUR	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC THANH DÂN	PVD8	08-09	2	19	4	58	77	HALLIBUR	Vietnamese
8	ĐÀO HÙNG ANH	PVD8	03-04	2	13	2	10	63	PVD LOGG	Vietnamese
9	PHẠM THANH THUẬN	PVD8	43-44	2	8			96	PVD DD	Vietnamese
10	JOHN MURDOCH WILLIAM	PVD8	47	1	5			120	PVD DD	British
11	NGHIÊM VŨ ĐẠT	PVD8	49	1	3			65	PVD DD	Vietnamese
12	NGUYỄN HOANG LONG	PVD8	06-07	2	8			68	PVD DD	Vietnamese
13	ĐỖ CHÍNH	PVD8	40-41	2	15			74	COMMAND	Vietnamese
14	ĐÀO VĂN TIẾN	PVD8	34	1	8			62	PSV	Vietnamese
15	BUI HAI THANH	PVD8	39	1	7			72	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN CHI HIẾU	PVD8	25	1	8			78	PSV	Vietnamese
17	ĐOÀN CHI TÀI	PVD8	35	1	5			75	PSV	Vietnamese
18	TRẦN QUANG TÀI	PVD8	45	1	5			83	PVDO	Vietnamese
19	VĂN HUY THANH	PVD8	02	1	10			69	PVDO	Vietnamese
20	ĐỖ MẠNH LONG	PVD8	46	1	7			84	PVDO	Vietnamese
21	TRẦN QUỐC TUẤN	PVD8	38	1	6			69	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	21	1.600	27	181	6	68	22		
	TOTAL	21	1.600	27	181	6	68	22		
	WEIGHT KG		1.600		181		68			

GRAND TOTAL: 1.849 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN
 NGUYỄN QUANG VIỆT



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: P5 - HST - HSD	CREW: NAM - LINH - VŨ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0102	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI VAN BAC	P5						74	KH-THAC	Vietnamese
2	LE DANG MINH ĐỨC	P5						89	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRỌNG HIEN	P5	03	1	3			50	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐINH THỊNH	P5	02	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM DUY CHUNG	P5	04	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
6	LA VAN TOI	P5	06	1	9			91	YTE	Vietnamese
7	ĐAO VAN THẮNG	P5	10	1	11			58	PSV	Vietnamese
8	LE QUANG HUNG	P5	01	1	13			74	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	P5	15-16	2	20			70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN TRUNG HIẾU	P5	08	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUANG PHÚC	P5						50	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HOÀNG	P5	09	1	17			89	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH DŨNG	P5	07	1	7			55	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	P5	11-12	2	17			84	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P5	13-14	2	6			76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	05	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN HIEU	HST	91-92	2	13			90	TLJOC	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH HÙNG	HST	89	1	10			89	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NHẢ	HST	87	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM TUẤN CHUNG	HST	88	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN MINH HOÀI	HST	90	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
22	HY TAC SANG	HSD	24-25	2	15			69	TLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	16	1.127	16	125	0	0	16		
2	HST	5	372	6	47	0	0	5		
3	HSD	1	69	2	15	0	0	1		
TOTAL		22	1.568	24	187	0	0	22		
WEIGHT KG			1.568		187		0			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGÔ VĂN LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: TÍM-1	TO: P2 - MRM	CREW: ĐỨC - KHANH - DSON	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/0111	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐIỀU QUỐC CHÍNH	P2	25	1	9	1	20	72	CODIEN	Vietnamese
2	HOANG MINH TUAN	P2	26	1	11			75	CODIEN	Vietnamese
3	CHU ĐÌNH THANH	MRM	91	1	7			53	DVL	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN THAI	MRM	89	1	7			68	DVL	Vietnamese
5	PHAN TUẤN ĐỨC	MRM	90	1	6			65	DVL	Vietnamese
6	ZAGULIN ALEKSANDR	MRM	75-76	2	16			86	AMHGP	Russian
7	GILAEV AZAT(*)	MRM	87	1	7			95	AMHGP	Russian
8	PIMAKIN OLEG	MRM	78	1	3			120	AMHGP	Russian
9	TARATONOV IURII	MRM	82-83	2	16			84	AMHGP	Russian
10	LÊ HỒNG SƠN	MRM	88	1	7			65	AMHGP	Russian
11	KONANOV IVAN	MRM	84	1	14			69	AMHGP	Russian
12	LOGANOV VITALII(*)	MRM	72	1	12			97	AMHGP	Russian
13	PIKULSKII TIMUR	MRM	73-74	2	12			133	AMHGP	Russian
14	BOBRETSOV VADIM(*)	MRM	85-86	2	16			87	AMHGP	Russian
15	TRIFONOV STANISLAV(*)	MRM	79	1	9			96	AMHGP	Russian
16	AZBERGENOV DASTEM	MRM	80-81	2	15			88	AMHGP	Russian
17	MAKSHANTSEV EVGENY	MRM	71	1	16			73	AMHGP	Russian
18	SYCHEV VALERII	MRM	77	1	17			80	AMHGP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	2	147	2	20	1	20	0		NỘI BỘ VNHS: Lê Phương Nam
2	MRM	16	1.359	21	180	0	0	20		Trần Tuấn Anh, Lê T Hải Hạnh
TOTAL		18	1.506	23	200	1	20	20		
WEIGHT KG			1.506		200		20			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

TRẦN ĐỨC KHANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:47
B.CARD: NÂU-1	TO: TGTH1 - AMD	CREW: TRÌNH - NKHÁNH	ETA: 09:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/0101	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGÔ QUANG HUÂN*	TGTH1	1000	1	6	1	9	66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU CUÔNG*	TGTH1	98-99	2	13			69	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐẠI NGHĨA*	AMD	41	1	6	3	34	63	HLJOC	Vietnamese
4	HỒ ANH QUỐC	AMD	36	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	34	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	43	1	2			63	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH HÙNG	AMD	38-39	2	12			56	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN DŨNG	AMD	96	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ VĂN SAU	AMD	37	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN MINH ĐỨC*	AMD	95	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐẠI VỆ	AMD	99	1	6			64	ĐÔNG HUN	Vietnamese
12	LÊ HỒNG PHƯƠNG	AMD	97-98	2	10			72	ĐÔNG HUN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU NHAN	AMD	35	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN THUẬN	AMD	42	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH HỮU TÍNH	AMD	94	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN TOÀN	AMD	900	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI SỸ QUYÊN*	AMD	40	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TGTH1	2	135	3	19	1	9	2		
2	AMD	15	985	17	100	3	34	17		
TOTAL		17	1.120	20	119	4	43	19		
WEIGHT KG			1.120		119		43			

GRAND TOTAL: 1.282 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BUI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

TRẦN KHÁNH TRÌNH

NGUYỄN VĂN KHÁNH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: P10 - P3 - TD5	CREW: NAM - LINH - VŨ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/0103	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DU TRẦN HÙNG*	P10	86-87	2	20			80	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM HIẾU LIÊM	P10	85	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	P10	93	1	19	1	11	61	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY KHANH	P10	91-92	2	20			77	ANTOAN	Vietnamese
5	PHAN ĐO CHÂU TUẤN	P10	94	1	16			103	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VAN TRỌNG	P10	89	1	5			98	PSV	Vietnamese
7	LÊ NHỎ CANG	P10	88	1	7			69	PSV	Vietnamese
8	LÊ MINH TÂM	P10	90	1	3			60	PSV	Vietnamese
9	LÊ MINH HUY	P10	84	1	5			73	PSV	Vietnamese
10	ĐINH VĂN THANH	P3	31	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN PHI DÂN	P3	28	1	11			57	YTE	Vietnamese
12	LUƠNG HỮU HẬU	P3	27	1	10			83	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI THỂ DƯƠNG	P3	34	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC HUY	P3	25	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	26	1	3	1	3	72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN BUI NAM	P3	18	1	6			97	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P3	29	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH PHONG	P3	32-33	2	18			74	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ĐỨC HÙNG	P3	30	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG THAI	P3	36-37	2	20			73	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	P3	38-39	2	14			50	T-TIN	Vietnamese
22	VŨ VĂN PHÚC*	P3	24	1	6			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	9	689	11	100	1	11	2		
2	P3	13	938	16	109	1	3	13		
3	TD5	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	1.627	27	209	2	14	22		
WEIGHT KG			1.627		209		14			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGÔ VĂN LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: HONG-2	TO: P4 - P11 - RP2	CREW: DUONG - TTRUNG - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/0107	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VIET BANG	P4	35	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO ĐỨC HUNG	P4	23	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
3	LE ANH THANG	P4	14	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NHAN HAI	P4	34	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN NGOC TUAN	P4	19	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THAI SON	P4	32	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
7	VÔ HỒNG TIN	P4	28	1	3			79	YTE	Vietnamese
8	BUI MINH TUAN	P4	27	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN TRUNG CHINH	P4						60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG TUYEN	P4	25	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU HA	P4	22	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TOAN	P4	24	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH NAM	P4	20-21	2	16			66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN SON	P4	36	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐAM VAN QUANG	P4	26	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HOANG	P4	16,18	2	13			83	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRỌNG HAI	P4	30-31	2	12			81	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN BA	P4	29	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ HỒNG TRUNG	P4	15	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI MẠNH CUONG	P4	33	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
21	TRUONG MINH HOANG	P4	17	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	21	1.416	23	131	0	0	17		
2	P11	0	0	0	0	0	0	1		
3	RP2	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	1.416	23	131	0	0	22		
WEIGHT KG			1.416		131		0			

GRAND TOAL: 1.547 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

BUI HOANG DUONG
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: PVD8 - P5 - TD2	CREW: LTUÁN - QVIỆT - HIẾU	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/0110	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN XUÂN ANH	PVD8	17	1	4			58	PVDO	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH BINH	PVD8	16	1	4			71	PVDO	Vietnamese
3	LƯƠNG TẤN SANG	PVD8	10	1	7			74	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	PVD8	22	1	7			72	PVDO	Vietnamese
5	PHAN VĂN TRINH	PVD8	23	1	7			70	PVDO	Vietnamese
6	TRẦN VĂN KIẾN	PVD8	14	1	6			60	PVDO	Vietnamese
7	TRƯỜNG CÔNG ĐIỀN	PVD8	13	1	6			72	PVDO	Vietnamese
8	NAING LIN AUNG	PVD8	20-21	2	17			83	DMC-MI	Myanmar
9	NGUYỄN NGỌC HIẾU	PVD8	24	1	3			89	PVDO	Vietnamese
10	TRẦN NGỒN QUANG HUY	PVD8	18	1	5			77	PVDO	Vietnamese
11	NGUYỄN PHÚC LỘC	PVD8	26	1	9			94	PVDO	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH TUẤN	PVD8	19	1	6			60	PVDO	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH TUẤN*	PVD8	11-12	2	10			94	PVDO	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	PVD8	25	1	4			66	PVDO	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH PHU	PVD8	15	1	7	2	27	92	SCHLUMBERGER	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TAM	P5	19	1	14			79	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P5	18	1	11	1	7	69	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN DUY KHANH	P5	21-22	2	19			76	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC THUẬN	P5	17	1	9			83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	15	1.132	17	102	2	27	8		
2	P5	4	307	5	53	1	7	11		
3	TD2	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		19	1.439	22	155	3	34	22		
WEIGHT KG			1.439		155		34			

GRAND TOAL: 1.628 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

NGUYỄN QUANG VIỆT



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:05
B.CARD: NAU-2	TO: TD3 - MRM	CREW: ĐỨC - KHANH - DSON	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/0112	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BABKIN A.M.	TD3	77	1	7			98	KH-THAC	Russian
2	PIATOV S.V.	TD3	79	1	13			100	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN HOANG VINH	TD3	75	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐAO MINH TUẤN	TD3	81	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC HUNG	TD3	76	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUANG TRƯỜNG	TD3	78	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HOANG ANH TUẤN	TD3	80	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG ANH HUNG	TD3	82	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HƯƠNG	TD3	85-86	2	17			80	KH-THAC	Vietnamese
10	TẠ QUỐC VIỆT	TD3	83-84	2	19			60	YTE	Vietnamese
11	NIKULIN ALEXANDER	MRM	89	1	20			84	AMHTP	Russian
12	ĐO ĐỨC THIÊN	MRM	80,99	2	19			64	AMHTP	Vietnamese
13	NGUYỄN HOANG NAM	MRM	02	1	5	2	24	65	AMHTP	Vietnamese
14	LÊ CÔNG KHANH	MRM	98	1	14			63	HALLIBUR	Vietnamese
15	BOGOMOLOV DANIIL	MRM	92-93	2	13			90	AMHTP	Russian
16	ABROSIMOV MAKSIM	MRM	90	1	15			89	AMHTP	Russian
17	KURAMAGOMEDOV GADZHI*	MRM	94-95	2	13			99	AMHTP	Russian
18	MIZERA ROMAN	MRM	91	1	7			92	AMHTP	Russian
19	BASYROV IRSHAT	MRM	97,79	2	10			94	AMHTP	Russian
20	NIKULIN LEONID	MRM	96	1	16			96	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	10	758	12	86	0	0	9		
2	MRM	10	836	14	132	2	24	13		
TOTAL		20	1.594	26	218	2	24	22		
WEIGHT KG			1.594		218		24			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

TRẦN ĐỨC KHANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO: TD3 - P8 - P9	CREW: DUONG - N.ANH - MQUAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/0104	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE KIEN TRUNG	TD3	93	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
2	LE DINH PHUC	TD3	97	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM ANH SON	TD3	90	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
4	TO QUANG ANH	TD3	91	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THE VINH	TD3	94	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI VAN BINH	TD3	98	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI HUY NGHIEM	TD3						78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN THANG	TD3	88	1	5			47	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM SY HIEM	TD3	89	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
10	VU NAM CUONG	TD3						70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM HUU PHUOC	TD3	92	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN PHUEN	TD3	87	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG QUANG ĐỨC	TD3	95	1	14			69	KH-THAC	Vietnamese
14	VU VAN THIEN	TD3	96	1	11			63	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN LONG BIEN	TD3	99	1	9			60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH HUNG	P8	26	1	5			75	VPSC	Vietnamese
17	LUONG THUY DUONG	P8	25	1	7			63	NIPI	Vietnamese
18	DUONG NGOC THUONG	P8	20-21	2	12			59	NAM TIEN	Vietnamese
19	VO HUU DI	P8	22	1	8			89	NAM TIEN	Vietnamese
20	NGUYEN PHUC TAI	P8	23-24	2	11			65	NAM TIEN	Vietnamese
21	LA HAU*	P8	18-19	2	16			60	NAM TIEN	Vietnamese
22	LE LANG TU	P9	09	1	6	1	14	62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	15	996	13	82	0	0	15		
2	P8	6	411	9	59	0	0	0		
3	P9	1	62	1	6	1	14	7		
TOTAL		22	1.469	23	147	1	14	22		
WEIGHT KG			1.469		147		14			

GRAND TOAL: 1.630 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

DINH THI HOA

CREW

BUI HOANG DUONG
NGHIEM VIET ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: TIM-3	TO:AMD - P5 - P7	CREW: LINH - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM26/0108	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM ANH TUẤN	AMD	85-86	2	13	1	12	63	KH-THAC	Vietnamese
2	LE XUÂN TUẤN*	AMD	54-55	2	12			63	KH-THAC	Vietnamese
3	LÂM QUANG DUY	AMD	84	1	15			82	CODIEN	Vietnamese
4	VŨ QUANG TUẤN	AMD	73	1	12			70	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HOÀNG	AMD	74	1	11			78	CODIEN	Vietnamese
6	HÀ MẠNH NAM	AMD	92	1	14			77	CODIEN	Vietnamese
7	HOÀNG MINH THƯƠNG	AMD	58	1	13			65	CODIEN	Vietnamese
8	TRẦN THANH HIỆP	AMD	56-57	2	17			81	CODIEN	Vietnamese
9	LE VĂN THIÊN	AMD	89	1	7			67	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN DOANH	AMD	87-88	2	8			65	PSV	Vietnamese
11	HỒ ĐỨC VIỆT*	AMD	90	1	5			74	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN TUẤN HUNG*	AMD	77	1	11			78	PHATECO	Vietnamese
13	TRẦN PHƯƠNG ĐẠI	AMD	93	1	6			81	PHATECO	Vietnamese
14	VŨ VĂN VINH	AMD	72	1	9			65	PHATECO	Vietnamese
15	HỒ VĂN BÌNH	AMD	78	1	8			65	PHATECO	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	AMD	76	1	8			71	PHATECO	Vietnamese
17	VŨ NGỌC CHINH	AMD	91	1	5			56	PHATECO	Vietnamese
18	LE XUÂN TÍNH	P5	86	1	6			70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH QUANG	P5	88	1	5			64	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TIÊN CÂN	P5	87	1	6			64	PSV	Vietnamese
21	LẠI ANH TUẤN	P5	89	1	18			105	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	17	1.201	21	174	1	12	7		
2	P5	4	303	4	35	0	0	9		
3	P7	0	0	0	0	2	40	6		
TOTAL		21	1.504	25	209	3	52	22		
WEIGHT KG			1.504		209		52			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ